TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CON CUÔNG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 10 – 2020 "V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CON CUÔNG – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Hồng Lợi.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đình Nhàn;

2. Ông Lô Văn Vinh;

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lê - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CC – tỉnh NA.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CC, tỉnh NA tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hoan -Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CC, tỉnh NA xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 81/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXX-ST ngày 13 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thái Thị Tr - Sinh năm 1991.

Địa chỉ: Bản P, xã YK, huyện CC, tỉnh NA. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Mai Thành S – Sinh năm 1985.

Địa chỉ: Bản P, xã YK, huyện CC, tỉnh NA. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn xin ly hôn) ngày 29/6/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn chị Thái Thị Tr trình bày:

- Về tình cảm: Chị và bị đơn anh Mai Thành S kết hôn với nhau vào ngày 19 tháng 12 năm 2011 tại UBND xã YK, huyện CC, tinh NA. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc, không vi phạm các quy định về điều kiện và

thủ tục kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc cho đến cuối năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Nguyên nhân là do quan điểm, tính cách không phù hợp, anh S ngoại tình với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình. Việc mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được hai bên gia đình nội ngoại và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần, nhưng sau mỗi lần hòa giải tình cảm vẫn không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng, vì vậy mà hiện nay vợ chồng chị không còn sống chung với nhau nữa. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với bị đơn anh Mai Thành S.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị không có con chung.

- Về tài sản chung: Chị và anh Mai Thành S thỏa thuận tự chia không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng chị không vay nợ cá nhân, cơ quan, tổ chức nào cũng như không cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn anh Mai Thành S vắng mặt mặc dầu đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần, vì vậy Toà án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 204; 207; 208 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CC phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình: chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Thái Thị Tr buộc anh Mai Thành S và chị Thái Thị Tr chấm dứt hôn nhân kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật; về con chung: không có nên không đề nghị xem xét; về tài sản chung: các bên không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét; về án phí: chị Tr phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án hôn nhân gia đình về ly hôn: bị đơn anh Mai Thành S cư trú tại Bản P, xã YK, huyện CC, tỉnh NA nên Tòa án nhân dân huyện CC thụ lý giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Thái Thị Tr có đơn xét xử vắng. Bị đơn anh Mai Thành S đã được niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ. Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét chị Thái Thị Tr và anh Mai Thành S đăng ký kết hôn vào ngày 19 tháng 12 năm 2011 tại UBND xã YK, huyện CC, tỉnh NA. Việc kết hôn là tự nguyện, không có sự ép buộc, không vi phạm các quy định về điều kiện và thủ tục kết hôn tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy hôn nhân giữa chị Tr và anh S là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn theo chị Tr nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm, tính cách không phù hợp, anh S ngoại tình với người phụ nữ khác, không quan tâm chăm sóc vợ con. Hiện nay vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa. Như vậy, chị Tr và anh S đã vi phạm quy định về tình nghĩa vợ chồng, không sống chung với nhau mà không có lý do chính đáng.

Xét thấy, giữa chị Tr và anh S mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì thế cần cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, xử cho chị Thái Thị Tr được ly hôn với anh Mai Thành S.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị Tr và anh S không có con chung nên không miễn xét.

Về tài sản chung: Do các đương sự đã tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ vào khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Thái Thị Tr phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 207, 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Thái Thị Tr được ly hôn anh Mai Thành S.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Thái Thị Tr phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Tr đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CC, tỉnh NA theo biên lai thu tiền số 0001597 ngày 06 tháng 7 năm 2020.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh NA trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND H. CC;*
- *Chi cục THADS H. CC;*
- *UBND xã YK;*
- *Lưu Hồ sơ, VP;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Hồng Lợi

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Phan Hồng Lợi

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Phan Hồng Lợi